TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH
Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày: 16/5/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và bà Trần Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K,tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 05 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Đức T**; Giới tính: nam; Sinh năm 1985; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm 5B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Bán chim cảnh;Trình độ học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Vũ Thái H, sinh năm 1954 (Đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; trú tại: xóm 5B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ Hoàng Thế M, sinh năm 1985; có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 23/11/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Vũ Thị N**; Giới tính: nữ; Sinh năm: 1963; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT: xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; hiện trú tại: xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10.

Bố đẻ: Vũ Văn A, sinh năm 1935 (Đã chết); Mẹ đẻ: Hoàng Thị N, sinh năm 1935; trú tại: xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 6 chị em, bị cáo là

con thứ hai. Chồng: Phạm Văn M sinh năm 1961, trú tại xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; con: có 01 con sinh năm 2002.

Tiền sự, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 23/11/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phạm Văn T**; Giới tính: nam; Sinh năm: 1984; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: phố P , TT.P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định số 64-QĐ/UBKTHU ngày 28/11/2018; Trình độ học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Phạm Văn T, sinh năm 1953 (Đã chết); Mẹ đẻ: Vũ Thị T, sinh năm 1960; trú tại: phố P, TT.P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 3 anh em, bị can là con thứ nhất. Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1990; nghề nghiệp: buôn bán, trú tại: phố P, TT.P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 23/11/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Xuân T, sinh năm 1985; cư trú tại: xóm 12, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Vũ Thị P, sinh năm 1988; trú tại phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993, trú tại: thôn 4, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng

- Người làm chứng:

+ Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1966, trú tại: xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963, trú tại: xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

+Anh Vũ Minh P, sinh năm: 1985, trú tại: xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; trú tại: xóm 6, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

+ Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1995; trú tại: xóm 4, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa, chị Vũ Thị P có mặt; ông Lê Xuân T, chị Vũ Thị H, bà Trịnh Thị H, ông Nguyễn Văn T, anh Vũ Minh P, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn S đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đức T có thuê cửa hàng của ông Lê Xuân T ở xóm 12, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình để bán chim cảnh. Từ tháng 11/2018 T mở thêm bán số lô, số đề cho khách đi đường dựa trên kết quả sổ xổ miền Bắc mở thưởng hàng ngày tại quán bán chim để kiếm lời.

Khoảng 17 giờ 16 phút ngày 21/11/2018, Phạm Văn T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu vàng nhắn tin qua tài khoản Zalo mang tên "Thang Ha" đến tài khoản Zalo trên điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu đen của T mang tên "Thuận Anh" mua số lô, số đề với tổng số tiền 7.480.000 đồng (gồm 80 điểm lô tương ứng số tiền là 1.760.000 đồng và 279 số đề tương ứng số tiền là 5.720.000 đồng). T đồng ý và nhắn tin xác nhận với T. Trước đó cả hai thỏa thuận với nhau sẽ thanh toán vào buổi chiều ngày 22/11/2018.

Do quen biết Vũ Đức T có bán số lô, số đề tại xóm 12, xã Đ, huyện K nên Vũ Thị N thường bán các số lô, số đề cho khách đi đường tại khu vực chợ K, xã Đ, huyện K với giá 22.500 đồng/1 điểm lô. Sau đó, N tổng hợp thành các bảng rồi mang đến quán bán chim cảnh của T để bán lại cho T với giá 22.000 đồng/1 điểm lô và hưởng 7,5% tổng số tiền khách mua đề. Buổi chiều ngày 21/11/2018, N đã bán số lô, số đề với tổng số tiền 13.353.500 đồng (gồm 469 điểm lô tương ứng số tiền là 10.552.500 đồng và 272 số đề tương ứng số tiền 2.801.000 đồng) cho khách, thu được số tiền 269.000 đồng nhưng đã chi tiêu cá nhân hết và cho khách nợ số tiền 13.084.500 đồng. Sau đó N tổng hợp các số lô, số đề đã bán thành 02 bảng. Đến khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, N mang 02 bảng tổng hợp số lô, số đề trên đến bán lại cho T với tổng số tiền bán số lô, số đề là 13.119.000 đồng (gồm 469 điểm lô tương ứng số tiền 10.318.000 đồng và 272 số đề tương ứng số tiền 2.801.000 đồng). N và T thỏa thuận sẽ thanh toán tiền vào chiều ngày 22/11/2018. Sau đó N ngồi tại quán chờ xem kết quả xổ số miền Bắc.

Ngoài ra trong buổi chiều ngày 21/11/2018 T còn bán số lô, số đề với tổng số tiền 7.888.000 đồng (gồm 242 điểm lô tương ứng số tiền 5.324.000 đồng và 99 số đề tương ứng số tiền 2.564.000 đồng) cho khách đi đường thu được số tiền 2.570.000 đồng. Số tiền 5.318.000 đồng còn lại T cho khách nợ. Sau đó T tổng hợp các số lô, số đề đã bán cho T và khách đi đường vào 01 bảng để theo dõi.

Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, Tổ công tác Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Ninh Bình phối hợp với Công an xã Đ, huyện K kiểm tra hành chính quán bán chim cảnh của Vũ Đức T thì phát hiện T đang tổng hợp chuyển các số lô, số đề đã bán cho Phạm Văn T, Vũ Thị N và khách đi đường trong ngày 21/11/2018. Tại chỗ Tổ công tác đã lập biên bản kiểm tra hành chính và thu giữ của T 03 bảng tổng hợp số lô, số đề có kích thước mỗi bảng là (17x25)cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu đen và số tiền 2.210.000 đồng thu được từ việc bán số lô, số đề cho khách còn lại sau khi mua cám chim hết 360.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp tại quán chim cảnh và chỗ ở của Vũ Đức T tại xóm 5B, xã L, huyện K, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình không thu giữ được tài liệu, đồ

vật gì. Ngày 22/11/2018 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình thu giữ của Phạm Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J7, màu vàng. Đến ngày 04/01/2019 Vũ Đức T tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện K số tiền 360.000 đồng và 01 bút bi màu xanh nhãn hiệu Matixs FO-024. Ngày 07/01/2019 Phạm Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT công an huyện K số tiền 7.560.000 đồng.

Quá trình điều tra T còn khai nhận: buổi chiều ngày 21/11/2018, sau khi mua bán các số lô, số đề thì tổng hợp và dùng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu đen gắn số điện thoại 0974124133 nhắn tin chuyển 814 điểm lô tương ứng số tiền 17.908.000 đồng và 813 số đề tương ứng số tiền 12.417.000 đồng đến số điện thoại 0978255387 lưu trong danh bạ là Agribanhk để bán cho chị Vũ Thị P và được chị P nhắn tin xác nhận đồng ý.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề của Vũ Đức T là 28.487.000 đồng; của Vũ Thị N là 13.353.000 đồng và của Phạm Văn T là 7.480.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Vũ Đức T, Vũ Thị N và Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 17/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 và 3 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Đức T, Vũ Thị N và Phạm Văn T phạm tội "Đánh bạc" .

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Đức T từ 30-35 triệu đồng; xử phạt bị cáo Vũ Thị N từ từ 25- 30 triệu đồng; xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 20- 25 triệu đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu số tiền 7.480.000 đồng thu của bị cáo T và 2.570.000 đồng thu của bị cáo T (tổng cộng 9.770.000 đồng) là tiền mà các bị cáo có được đánh bạc sung quỹ nhà nước.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu vàng của bị cáo T; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu đen của bị cáo T.

+ Truy thu từ bị cáo N số tiền 13.353.500 đồng thu sung ngân sách nhà nước.

+ Truy thu từ bị cáo T số tiền 5.318.000 đồng đồng thu sung ngân sách nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo T số tiền 80.000đ nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ 03 bảng tổng hợp số lô, số đề có kích thước mỗi bảng là (17x25)cm tiếp tục quản lý theo hồ sơ.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi.

- Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] T¹i phi²n tòa các bị cáo Vũ Đức T, Vũ Thị N và Phạm Văn T khai nhận hành vi của mình đã thực hiện chiều ngày 21/11/2018 như tóm tắt nội dung vụ án của Tòa án. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: Biên bản phạm tội quả tang lập hồi 18 giờ 15 phút ngày 21/11/2018, lời khai của người làm chứng và vật chứng thu giữ là số tiền 2.210.000[đ] cùng vật chứng là các bảng đề mà các bị cáo sử dụng vào việc cá cược .

Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ sáng đến 18 giờ 15 phút ngày 21/11/2018 các bị cáo Vũ Đức T, Vũ Thị N và Phạm Văn T đánh bạc với nhau và với những người khác dưới hình thức chơi "số đề, số lô" dựa trên kết quả sổ xổ miền Bắc mở thưởng hàng ngày; trong đó hình thức cược chơi số đề chỉ dựa trên kết quả hai số cuối của giải đặc biệt với mức cược 1/80 (cược một ăn 80 lần); còn hình thức cược chơi số lô dựa trên kết quả hai số cuối của cả 23 giải thưởng từ giải đặc biệt đến giải bảy với mức 22.000 đồng/ 1 điểm lô cược 01 lần ăn 4 lần (nếu số lô đã chọn cược về trùng nhiều lần trong 23 giải được hưởng nhiều lần). Với số tiền dùng huy động dùng để đánh bạc giữa các bị cáo và các người chơi khác là 28.487.000 đồng các bị cáo đã phạm tội "Đánh bạc" quy định tại Khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc đánh bạc là vi phạm pháp luật; song để thỏa mãn nhu cầu và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe phòng ngừa chung đồng thời ngăn chặn loại hình đánh bạc này lan rộng.

Vụ án có nhiều bị cáo tham gia hành vi phạm tội; tuy nhiên phạm tội mang tính giản đơn không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ; nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo Vũ Đức T là người chủ động rủ rê nhận cược đối với bị cáo N và T còn trực tiếp ghi lô đề cho những người khác tham gia đánh bạc có tổng số tiền huy động tham gia đánh bạc lớn nhất 28.487.000 đồng; giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo Vũ Thị N là đối tượng trực tiếp ghi lô đề cho những người khác tham gia đánh bạc, trực tiếp đánh bạc với T, có tổng số tiền huy động tham gia đánh bạc lớn thứ hai là 13.353.500 đồng, giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với bị cáo Phạm Văn T là đối tượng trực tiếp ghi lô đề cho những người khác tham gia đánh bạc, trực tiếp đánh bạc với T có tổng số tiền huy động tham gia đánh bạc 7.480.000 đồng, giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

[4] Về việc bị cáo T khai buổi chiều ngày 21/11/2018, sau khi mua bán các số lô, số đề thì tổng hợp và dùng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu đen gắn số điện thoại 0974124133 nhắn tin chuyển 814 điểm lô tương ứng số tiền 17.908.000 đồng và 813 số đề tương ứng số tiền 12.417.000 đồng đến số điện thoại 0978255387 lưu trong danh bạ là Agribank để bán cho chị Vũ Thị P và được chị Phượng nhắn tin xác nhận đồng ý.

Lời khai của bị cáo không được chị P thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh số điện thoại 0978255387 là của chị Nguyễn Thị H trú tại thôn 4, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng nhưng không có căn cứ chứng minh chị H sử dụng số điện thoại này; không có căn cứ chứng minh chị P và chị H sử dụng số điện thoại trên để giao dịch mua bán số lô, số đề của Vũ Đức T; Ngoài lời khai của bị cáo T và tin nhắn lưu trong điện thoại thu giữ của T không còn chứng cứ nào khác chứng minh chị Vũ Thị P có thỏa thuận giao dịch mua bán số lô, số đề với bị cáo T. Do đó không đủ cơ sở để khẳng định chị Vũ Thị P đánh bạc với bị cáo T dưới hình thức mua số lô, số đề của Vũ Đức T. Nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị Vũ Thị P về hành vi đánh bạc

Đối với các đối tượng mua bán số lô, số đề với ba bị cáo là người đi đường các bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ mặc dù cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không làm rõ được nên không có căn cứ để xử lý đối với các đối tượng này.

[5] Khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy: Về các tình tiết tăng nặng các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo tại cơ quan điều tra và phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo là những người có nhân thân tốt, phạm tội thuộc khoản 1 Điều 321 được là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 và Điều 58 BLHS năm 2015 nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy; khoan hồng đối với người lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; đồng phạm với vai trò thứ yếu thì thấy rằng:

Bị cáo Vũ Đức T là bị cáo giữ vai trò đầu vụ giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo khác; tuy nhiên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mục đích thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối

với bị cáo mà áp dụng hình phạt cải tạo khụng giam giữ tại địa phương cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích. Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 3, Điều 321 BLHS năm 2015 áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo để tăng tính răn đe phòng ngừa. Trong quá trình cải tạo không giam giữ khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo Vũ Thị N giữ vai trò thứ hai trong vụ án cũng cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc, mức hình phạt thấp hơn bị cáo T nhưng phải cao hơn bị cáo còn lại; tuy nhiên bị cáo cũng phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mục đích thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích. Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 3, Điều 321 BLHS năm 2015 áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo để tăng tính răn đe phòng ngừa. Trong quá trình cải tạo không giam giữ khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo Phạm Văn T là bị cáo giữ vai trò thứ ba trong vụ án mức hình phạt thấp hơn bị cáo N; bị cáo cũng phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mục đích thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích. Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 3, Điều 321 BLHS năm 2015 áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo để tăng tính răn đe phòng ngừa. Trong quá trình cải tạo không giam giữ khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ Số tiền 7.480.000 đồng thu của bị cáo T và 2.570.000 đồng thu của bị cáo T (tổng cộng 9.750.000 đồng) là tiền mà các bị cáo có được do đánh bạc là tiền do phạm tội mà có; căn cứ điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTT HS năm 2015 cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu vàng của bị cáo T; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu đen của bị cáo T là phương tiện các bị cáo sử dụng giao dịch đánh bạc; căn cứ điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTT HS năm 2015 cần tịch thu sung quỹ nhà nước..

+ Số tiền 13.353.500 đồng là số tiền bị cáo N đã ghi cược và sẽ huy động dùng đánh bạc với những người khác căn cứ điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTT HS năm 2015 cần truy thu từ bị cáo N thu sung ngân sách nhà nước.

+ Số tiền 5.318.000 đồng là số tiền bị cáo T đã ghi cược và sẽ huy động dùng đánh bạc với những người khác căn cứ điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTT HS năm 2015 cần truy thu từ bị cáo T sung ngân sách nhà nước.

+ Số tiền bị cáo T đã ghi cược và sẽ huy động dùng đánh bạc với những người khác giao nộp thừa 80.000 đồng cần trả lại cho bị cáo T số tiền 80.000đ nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Đối với 03 bảng tổng hợp số lô, số đề có kích thước mỗi bảng là (17x25)cm hiện đang được lưu trữ trong hồ sơ vụ án tiếp tục quản lý theo hồ sơ.

+ Đối với chiếc bút bi bị cáo T giao nộp không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: các bị cáo tuyên có tội; Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14; buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000^{đ} án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố ngoài trừ việc xử lý vật chứng cũn thiếu sút đều đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Đức T, Vũ Thị N, Phạm Văn T phạm tội "Đánh bạc" .

+ Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS: xử phạt bị cáo Vũ Đức T 21 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo sung ngân sách nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã L nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Vũ Đức T cho UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS: phạt bị cáo Vũ Thị N 15 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo N số tiền 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước. Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo sung ngân sách nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Vũ Thị N cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS: phạt bị cáo Phạm Văn T 12 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước. Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo sung ngân sách nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn P nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

(Thời gian khấu trừ thu nhập hàng tháng là thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ)

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015; Điều 47 BLHS;

+ Tịch thu số tiền 7.480.000 đồng thu của bị cáo T và 2.570.000 đồng thu của bị cáo T (tổng cộng 9.770.000 đồng) thu sung quỹ nhà nước.

+ Tịch thu 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu vàng của bị cáo T; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu đen của bị cáo T thu sung quỹ nhà nước.

+ Truy thu số tiền 13.353.500 đồng từ bị cáo N sung ngân sách nhà nước.

+ Truy thu số tiền 5.318.000 đồng từ bị cáo T sung ngân sách nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo T số tiền 80.000đ nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Tiếp tục quản lý theo hồ sơ đối với 03 bảng tổng hợp số lô, số đề có kích thước mỗi bảng là (17x25)cm.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bút bi.

(Chi tiết vật chứng như trong biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan điều tra và chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 17/4/2019)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo Vũ Đức T, Vũ Thị N, Phạm Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- Các bị cáo; người tham gia tố tụng;
- UBND xã L, xã Đ, thị trấn P;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thế Anh
(Đã ký)